

Số: 1724/HDLN-NN-TC-KHĐT-CT-NHNN

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 9 năm 2021

## HƯỚNG DẪN LIÊN NGÀNH

**Thực hiện Mục 1 Chương II Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hoá; sản phẩm OCOP và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025**

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015.*

*Căn cứ Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hoá; sản phẩm OCOP và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025.*

*Căn cứ Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 08/6/2021 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt Đề án Cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hóa, tập trung vào các sản phẩm chủ lực, đặc sản theo chuỗi liên kết bảo đảm chất lượng, giá trị gia tăng cao gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.*

*Thực hiện Văn bản số 2667/UBND-NLN ngày 31/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.*

Liên ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Tài chính - Kế hoạch và Đầu tư - Công Thương - Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Tuyên Quang hướng dẫn thực hiện Mục 1 Chương II Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hoá; sản phẩm OCOP và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND), như sau:

### I. QUY ĐỊNH CHUNG

#### 1. Giải thích từ ngữ

a) Sản phẩm đặc sản (căn cứ Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 08/6/2021 của UBND tỉnh ) bao gồm: Gạo đặc sản (gồm: Nếp cái Hoa vàng, Nếp Khẩu mo, Nếp Mun, Nếp Mắc vai, nếp Khẩu láng); chè Shan sản xuất hữu cơ; hồng không hạt; na; lê; rau bò khai; bí xanh thơm; dược liệu (Sâm, Hà thủ ô đỏ, Xa Nhân,

*Khôi Nhung, Ba Kích tím, Nghệ đen, Chè Hoa vàng, Cà Gai leo, Xạ Đen, Hoàn Ngọc, Hương Nhu, Bạc Hà, Đinh Lăng, Thảo quả*); lợn (lợn đen bản địa, lợn rừng, lợn Í, lợn Mèo); gà (gà ri, gà ác, gà chọi, gà H'Mông); vịt bầu nuôi thả sông, suối, ao, hồ; dê cỏ nuôi chăn thả; cá (gồm các loài: *chiên, lăng chám, bống, rằm xanh, anh vũ, tằm, chạch sông, chình*).

b) Sản phẩm chủ lực (căn cứ Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 08/6/2021 của UBND tỉnh ) bao gồm: Gạo, cam, bưởi, chè, mía, lạc; trâu, lợn, gia cầm (ngoài các giống đặc sản nêu trên); cá (gồm các loài: *Nheo Mỹ, lăng vàng, lăng đuôi đỏ, lăng nha, quả, trắm đen, chép, rô phi, trắm cỏ*); gỗ rừng trồng.

c) *Làm giàu rừng tự nhiên sản xuất* là biện pháp lâm sinh kết hợp giữa nuôi dưỡng rừng với trồng bổ sung những cây, gồm: Trám trắng, sấu, dổi ăn hạt với số lượng cây theo quy trình kỹ thuật làm giàu rừng của Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành, đồng thời giữ lại cây mục đích sẵn có trong rừng.

d) *Chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang rừng trồng gỗ lớn* là việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật nuôi dưỡng rừng để thay đổi mục đích kinh doanh gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn. Rừng trồng gỗ lớn (*rừng trồng bằng cây keo*) là rừng trồng có tối thiểu 70% số cây đứng trên một đơn vị diện tích có đường kính đạt từ 20 cm trở lên đo tại vị trí độ cao của cây là 1,3 m so với mặt đất.

đ) *Vay vốn để tổ chức sản xuất nông nghiệp hàng hóa* được hiểu là tổ chức, cá nhân vay vốn ngân hàng để thực hiện dự án, phương án sản xuất, kinh doanh khả thi trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản.

e) *Vay vốn để chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn* được hiểu là tổ chức, cá nhân vay vốn đầu tư thực hiện các biện pháp kỹ thuật nuôi dưỡng rừng để thay đổi mục đích kinh doanh gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn (khai thác sau 10 năm tuổi) và phục vụ nhu cầu đời sống, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động khác (*nếu có*) theo đúng quy định của pháp luật trong khoảng thời gian thực hiện chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang rừng trồng gỗ lớn.

2. Bể nuôi trồng thủy sản: Bể xây kiên cố, bể khung sắt lót bạt, bể composite.

3. Ghép cải tạo giống cây ăn quả: Hỗ trợ đối với các loài cây ăn quả, gồm: Nhãn, vải, bưởi, cam, hồng, lê, na.

4. Hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn đủ điều kiện hỗ trợ phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật: Có nguồn nước ổn định đảm bảo phục vụ tưới theo nhu cầu của cây trồng; Có hệ thống đường ống dẫn nước từ nguồn nước đến khu tưới đảm bảo đủ áp lực bằng bơm dẫn hoặc tự chảy phù hợp với biện pháp tưới; Hệ thống tưới mặt ruộng đầy đủ các thiết bị tưới phù hợp với biện pháp tưới (*béc tưới/súng tưới phun mưa; dây tưới nhỏ giọt, tưới ngầm và các thiết bị phụ trợ kèm theo*) bố trí lắp đặt thiết bị tưới đảm bảo tưới phủ trùm cho toàn bộ diện tích cây trồng.

5. Trường hợp tổ chức, cá nhân vay đầu tư sản xuất kinh doanh nhiều đối tượng cây trồng, vật nuôi khác nhau thì việc xác định thời gian thực hiện hỗ trợ

lãi suất tối đa theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND sẽ căn cứ vào loại cây trồng, vật nuôi có quy mô kinh phí sản xuất được vay vốn có hỗ trợ lãi suất lớn nhất. Trường hợp, có nhiều loại cây trồng, vật nuôi có quy mô kinh phí sản xuất như nhau thì xác định theo cây trồng, vật nuôi có thời gian được hưởng hỗ trợ lãi suất tối đa là dài nhất.

6. Các cơ quan, đơn vị quản lý kinh phí thực hiện Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND, gồm: Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Công Thương; các Ban quản lý dự án bảo vệ và phát triển rừng cấp cơ sở; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (*sau đây gọi tắt là các đơn vị quản lý kinh phí thực hiện chính sách*).

#### 7. Thu hồi kinh phí:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi kinh phí đã hỗ trợ khi tổ chức, cá nhân sử dụng vốn vay có hỗ trợ lãi suất, kinh phí hỗ trợ theo chính sách không đúng mục đích; kinh phí thu hồi về ngân sách của huyện, thành phố để thực hiện các nội dung chính sách khác theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND trên địa bàn.

b) Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Công Thương: Khi phát hiện tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí hỗ trợ theo chính sách không đúng mục đích; các cơ quan, đơn vị có văn bản gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thu hồi kinh phí theo quy định.

8. Các tổ chức, cá nhân đã được hưởng chính sách theo các nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 16 Nghị quyết 03/2021/NQ-HĐND. Sau khi hưởng xong các chính sách đó, nếu đủ điều kiện được quy định trong Nghị quyết 03/2021/NQ-HĐND thì tiếp tục được hưởng các chính sách theo quy định của Nghị quyết 03/2021/NQ-HĐND.

9. Trường hợp các nội dung chính sách hỗ trợ bố trí từ nguồn vốn các chương trình, dự án khác thì việc lập hồ sơ đề nghị cấp kinh phí, thực hiện hỗ trợ và quyết toán theo hướng dẫn của từng chương trình, dự án đó.

10. Không thực hiện hỗ trợ lãi suất tiền vay khi khách hàng sử dụng vốn vay sai mục đích, trong thời gian có nợ quá hạn phát sinh từ khoản vay.

## II. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ GIAO DỰ TOÁN

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan triển khai đăng ký nhu cầu thực hiện các nội dung chính sách theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND (*theo phụ lục số 01*), thẩm định, xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách trên địa bàn huyện gửi Sở Nông nghiệp và PTNT trước ngày 15 tháng 7 hàng năm (*theo phụ lục số 03*).

2. Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp kế hoạch khối lượng và dự toán kinh phí thực hiện chính sách của toàn tỉnh đảm bảo tính ưu tiên, phân kỳ và phù hợp với khả năng nguồn lực gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để đưa vào kế hoạch lồng ghép các nguồn kinh phí thực hiện.

3. Tổng hợp, trình bố trí nguồn kinh phí thực hiện chính sách

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan để thống nhất phương án đưa vào dự toán lồng ghép kinh phí thực hiện từ các nguồn: Đầu tư xây dựng cơ bản, chương trình mục tiêu quốc gia, vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương. Trên cơ sở đó, tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện chính sách trong kế hoạch vốn đầu tư, chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Công thương và các cơ quan liên quan để thống nhất đưa vào dự toán lồng ghép các nguồn sự nghiệp có liên quan. Trên cơ sở đó, tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp có liên quan thực hiện chính sách trong dự toán thu, chi ngân sách hàng năm.

4. Ngân sách các cấp huyện, xã chủ động bố trí từ nguồn sự nghiệp kinh tế, tăng thu ngân sách và các nguồn khác để đưa vào dự toán chi ngân sách hàng năm theo phân cấp.

5. Căn cứ quyết định phê duyệt kế hoạch ngân sách hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, đơn vị chủ động triển khai thực hiện chính sách theo quy định.

a) Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có nhu cầu điều chỉnh kinh phí thực hiện giữa các nội dung chính sách trong dự toán được giao, Ủy ban nhân dân cấp huyện tự thực hiện điều chỉnh kinh phí đảm bảo phù hợp với thực tế; đối với các đơn vị quản lý kinh phí thực hiện chính sách khác (*Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Công Thương*) tổng hợp, gửi Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, quyết định điều chỉnh.

b) Trường hợp không sử dụng hết nguồn kinh phí giao theo dự toán hoặc có nhu cầu bổ sung kinh phí thực hiện chính sách (*nếu thiếu*), các đơn vị quản lý kinh phí thực hiện chính sách chủ động gửi Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp để gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chuyển hoặc cấp bổ sung theo quy định.

### III. HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN

#### 1. Đối với nội dung chính sách hỗ trợ lãi suất tín dụng

a) Trình tự, thủ tục phê duyệt tổ chức, cá nhân đủ điều kiện vay vốn có hỗ trợ lãi suất

*Bước 1:* Tổ chức, cá nhân gửi 01 bản đăng ký vay vốn có hỗ trợ lãi suất (*theo mẫu số 01*); đối với nội dung hỗ trợ hợp tác xã nông, lâm nghiệp, thủy sản có thêm phương án hoặc dự án sản xuất kinh doanh (*theo mẫu số 02*) và đối với nội dung hỗ trợ chuyên hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn có thêm biên bản kiểm tra hiện trạng lô rừng đề nghị hỗ trợ (*theo mẫu số 03*) đến Ủy ban nhân dân cấp huyện tại bộ phận Một cửa (*nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính*). Đối với nội dung chính sách này, UBND cấp huyện thường xuyên tiếp nhận và giải quyết bản đăng ký của các tổ chức, cá nhân.

*Bước 2:* Định kỳ trước ngày 25 hàng tháng, UBND cấp huyện tổ chức thẩm định về đối tượng, hồ sơ, nhu cầu vay vốn có hỗ trợ lãi suất, phê duyệt danh sách đủ điều kiện vay vốn có hỗ trợ lãi suất; thực hiện thông báo cho các tổ chức, cá nhân và gửi UBND cấp xã để niêm yết công khai tại trụ sở, đồng thời gửi cho ngân hàng nơi tổ chức, cá nhân đăng ký vay vốn. Danh sách tổ chức, cá nhân đủ điều kiện vay vốn có hỗ trợ lãi suất được UBND cấp huyện phê duyệt cần có các thông tin sau: Tên tổ chức, cá nhân, số chứng minh thư nhân dân/căn cước công dân (*đối với cá nhân*) hoặc mã số tổ chức (*đối với tổ chức*), địa chỉ thực hiện dự án, số điện thoại liên hệ, số tiền đề nghị vay, mục đích sử dụng vốn vay, thời gian hỗ trợ lãi suất tiền vay tối đa, mức hỗ trợ lãi suất, tên ngân hàng đề nghị vay.

b) Cấp mã ngân sách cho ngân hàng để tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền tạm ứng hỗ trợ lãi suất

Ngân hàng nơi cho vay (*chưa được cấp mã ngân sách để tiếp nhận, thanh quyết toán với cấp ngân sách*) nộp 01 bộ hồ sơ đến Sở Tài chính đề nghị cấp mã ngân sách. Việc cấp mã ngân sách thực hiện theo các quy định hiện hành.

c) Hồ sơ, trình tự thực hiện hỗ trợ lãi suất tiền vay cho tổ chức, cá nhân

*Bước 1:* Ngân hàng hướng dẫn tổ chức, cá nhân (*theo danh sách phê duyệt tổ chức, cá nhân đủ điều kiện vay vốn có hỗ trợ lãi suất của UBND cấp huyện*) lập hồ sơ đề nghị vay vốn, thẩm định, quyết định cho vay, thu hồi nợ gốc, nợ lãi theo quy định của pháp luật và của ngân hàng. Trường hợp không cho vay, ngân hàng trả lời khách hàng theo quy định. Định kỳ trước ngày 15 tháng đầu quý, ngân hàng báo cáo UBND cấp huyện, Ngân hàng Nhà nước tỉnh danh sách khách hàng ngân hàng đã từ chối cho vay trong quý trước (*theo mẫu số 14*).

*Bước 2:* Định kỳ trước ngày 25 của tháng cuối quý trước, ngân hàng lập, gửi UBND cấp huyện văn bản đề nghị ứng kinh phí hỗ trợ lãi suất kèm Bảng kê chi tiết danh sách từng khách hàng (*theo mẫu số 15*).

*Bước 3:* Định kỳ trước ngày 30 của tháng cuối quý trước, UBND cấp huyện thực hiện kiểm tra sử dụng vốn vay, xác định lại số liệu và mức kinh phí cần ứng để quyết định phê duyệt; trước ngày mùng 03 tháng đầu quý, UBND cấp huyện thực hiện chuyển tiền ứng kinh phí hỗ trợ lãi suất trong quý cho ngân hàng (*gửi kèm danh sách chi tiết khách hàng được hỗ trợ lãi suất*).

*Bước 4:* Đến kỳ thu lãi, ngân hàng thực hiện hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân phần lãi được hỗ trợ từ kinh phí hỗ trợ lãi suất đã được chuyển đến ngân hàng, thu trực tiếp từ tổ chức, cá nhân phần lãi chênh lệnh không được hỗ trợ (*nếu có*). Trường hợp đến kỳ thu lãi, UBND cấp huyện chưa chuyển kinh phí tạm ứng hỗ trợ lãi suất cho ngân hàng hoặc các khoản vay phát sinh sau ngày ngân hàng lập danh sách đề nghị tạm ứng kinh phí hỗ trợ lãi suất, ngân hàng thực hiện thu trực tiếp từ khách hàng đầy đủ lãi phát sinh theo đúng hợp đồng tín dụng đã ký; khi được ngân sách ứng kinh phí thì ngân hàng thực hiện chi trả tiền lãi được hỗ trợ

trực tiếp bằng tiền mặt cho khách hàng hoặc chuyển khoản vào tài khoản tiền gửi của khách hàng mở tại ngân hàng. Các ngân hàng vận động và thỏa thuận với khách hàng mở tài khoản tiền gửi thanh toán để việc thực hiện thanh toán chi trả tiền hỗ trợ lãi suất được kịp thời và thuận lợi hơn.

d) Hồ sơ, trình tự ngân hàng thực hiện thanh toán tạm ứng kinh phí hỗ trợ lãi suất với UBND cấp huyện

*Bước 1:* Trước ngày 15 của tháng đầu quý sau, ngân hàng lập báo cáo đề nghị thanh toán tạm ứng kinh phí hỗ trợ lãi suất tiền vay trong quý kèm hồ sơ đề nghị thanh toán kinh phí (theo mẫu số 16) gửi UBND cấp huyện.

*Bước 2:* Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày ngân hàng gửi báo cáo đề nghị thanh toán tạm ứng kinh phí hỗ trợ, UBND cấp huyện thực hiện thẩm định việc thanh toán tạm ứng kinh phí hỗ trợ trực tiếp tại trụ sở ngân hàng.

Ngân hàng chuẩn bị hồ sơ, chứng từ để cung cấp cho UBND cấp huyện thẩm định (nếu được UBND huyện yêu cầu) gồm: (1) Bản sao hợp đồng hoặc khế ước vay vốn giữa ngân hàng và các đối tượng được hưởng chính sách hoặc khế ước nhận nợ hoặc chứng từ khác xác định được mối quan hệ tín dụng giữa ngân hàng và khách hàng (đối với các tổ chức, cá nhân phát sinh lần đầu); (2) Bảng sao kê tài khoản theo dõi kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và (3) Chứng từ hạch toán, thanh toán kinh phí hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước cho tổ chức, cá nhân.

Căn cứ kết quả thẩm định, UBND cấp huyện thanh toán tạm ứng kinh phí hỗ trợ lãi suất cho ngân hàng theo quy định.

**2. Đối với các nội dung chính sách: Hỗ trợ ghép cải tạo giống vườn cây ăn quả; hỗ trợ công tác thụ tinh nhân tạo cho trâu, bò; hỗ trợ nuôi lợn đực giống để khai thác tinh**

a) Nghiệm thu kết quả thực hiện: Tổ chức, cá nhân gửi văn bản đề nghị nghiệm thu và cấp kinh phí hỗ trợ nội dung chính sách đến Ủy ban nhân dân cấp huyện tại bộ phận Một cửa (theo mẫu số 04, nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính). Định kỳ trước ngày 20 hàng tháng, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức nghiệm thu kết quả thực hiện (theo mẫu số 05). Biên bản nghiệm thu là căn cứ để thực hiện hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân.

b) Thủ tục cấp kinh phí hỗ trợ: Trước ngày 25 hàng tháng, căn cứ các biên bản nghiệm thu đủ điều kiện hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt và chi trả kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân.

**3. Đối với nội dung chính sách hỗ trợ cây giống lâm nghiệp để trồng rừng tập trung, làm giàu rừng tự nhiên sản xuất**

Sau khi có quyết định phê duyệt kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Ban quản lý dự án bảo vệ và phát triển rừng cơ sở lập, phê duyệt hồ sơ hỗ trợ cây giống, gồm: (1) Danh sách các hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ cây

giống; (2) Sơ đồ thiết kế lô rừng được hỗ trợ được trích lục trên nền bản đồ địa hình theo hệ quy chiếu VN 2000, tỷ lệ 1/10.000 thể hiện thông tin, vị trí lô, khoảnh, ranh giới, loài cây trồng của từng lô thiết kế; (3) Biện pháp kỹ thuật lâm sinh (trồng rừng, làm giàu rừng); (4) Dự toán kinh phí hỗ trợ cây giống.

b) Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện trình tự, thủ tục về đấu thầu tập trung các gói thầu mua cây giống theo quy định của Luật Đấu thầu; thông báo kết quả trúng thầu; các Ban quản lý dự án cơ sở ký hợp đồng mua cây, giao nhận cây, nghiệm thu kết quả trồng rừng, làm giàu rừng theo quy định tại Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 Hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh.

#### **4. Đối với nội dung chính sách hỗ trợ sản xuất nông sản xuất khẩu**

##### **4.1. Cam kết hỗ trợ đầu tư cho dự án**

a) Doanh nghiệp, hợp tác xã gửi 04 bộ hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và PTNT tại bộ phận Một cửa/Trung tâm Dịch vụ hành chính công tỉnh (*nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính*). Thành phần hồ sơ gồm: (1) Văn bản đề nghị hỗ trợ (*mẫu số 06*); (2) Dự án sản xuất nông sản xuất khẩu; (3) Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*Đối với dự án phải chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo Luật Đầu tư*); (4) Hợp đồng xuất khẩu nông sản với đơn vị có đủ năng lực thực hiện xuất khẩu.

b) Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương thẩm tra và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp, hợp tác xã. Văn bản cam kết hỗ trợ vốn của Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ sở để Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao vốn để hỗ trợ cho doanh nghiệp, hợp tác xã cùng với thời điểm giao dự toán ngân sách hàng năm. Trường hợp dự án không đủ điều kiện để cam kết hỗ trợ, Sở Nông nghiệp và PTNT có văn bản gửi doanh nghiệp, hợp tác xã nêu rõ lý do.

##### **4.2. Nghiệm thu dự án được hỗ trợ**

a) Doanh nghiệp, hợp tác xã gửi 04 bộ hồ sơ đề nghị nghiệm thu dự án được hỗ trợ đến Sở Nông nghiệp và PTNT tại bộ phận Một cửa/Trung tâm Dịch vụ hành chính công tỉnh (*nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính*). Thành phần hồ sơ gồm: (1) Văn bản đề nghị nghiệm thu (*theo mẫu số 07*); (2) Quyết định giao vốn hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh; (3) Hồ sơ tự nghiệm thu dự án của doanh nghiệp, hợp tác xã và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung nghiệm thu.

b) Trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Công Thương thực hiện nghiệm thu các nội dung dự án được hỗ trợ theo định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND và lập Biên bản nghiệm thu (*theo mẫu số 08*). Biên bản nghiệm thu là căn cứ để giải ngân vốn hỗ trợ cho doanh nghiệp, hợp tác xã.

### 4.3. Thủ tục nhận hỗ trợ

Doanh nghiệp, hợp tác xã gửi hồ sơ đề nghị giải ngân vốn hỗ trợ, hồ sơ gồm: (1) Văn bản đề nghị thanh toán kinh phí (theo mẫu số 09); (2) Biên bản nghiệm thu; (3) Quyết định giao vốn hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Sở Tài chính để được giải ngân khoản hỗ trợ trong vòng 05 ngày làm việc.

### 5. Đối với nội dung chính sách hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước

a) Sau khi đã đăng ký nhu cầu hỗ trợ xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (theo phụ lục số 01) và có trong kế hoạch thực hiện của UBND cấp huyện; tổ chức, cá nhân lập Hồ sơ thiết kế và dự toán (theo mẫu số 10) làm cơ sở để tổ chức thi công xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đảm bảo yêu cầu kỹ thuật tối thiểu theo quy định tại khoản 4, mục I hướng dẫn này.

b) Tổ chức, cá nhân sau khi xây dựng hoàn thành hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước lập văn bản đề nghị nghiệm thu và cấp kinh phí hỗ trợ (theo mẫu số 04) gửi đến Ủy ban nhân dân cấp huyện kèm theo Hồ sơ thiết kế và dự toán đã hoàn thiện theo thực tế thi công và các chứng từ liên quan. Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, UBND cấp huyện có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu, nếu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đủ điều kiện hỗ trợ quy định tại Mục 4, Phần I thì thực hiện thẩm định dự toán và phê duyệt mức kinh phí hỗ trợ để thanh toán cho tổ chức, cá nhân theo quy định.

**6. Đối với các nội dung chính sách: Hỗ trợ kinh phí xây dựng và quản lý nhãn hiệu, cấp mã số, mã vạch; hỗ trợ cấp chứng nhận theo tiêu chuẩn, quy chuẩn; hỗ trợ chi phí tư vấn lập hồ sơ đánh giá sản phẩm OCOP; hỗ trợ hợp tác xã thành lập mới**

**6.1. Thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ:** Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đến UBND cấp huyện tại bộ phận Một cửa (nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính). Cụ thể như sau:

a) Hỗ trợ kinh phí xây dựng và quản lý nhãn hiệu; cấp mã số, mã vạch; Hỗ trợ cấp chứng nhận theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, hồ sơ gồm: (1) Văn bản đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ (theo mẫu số 04); (2) Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu sản phẩm, giấy chứng nhận sử dụng mã số, mã vạch/Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn Việt Nam, Quốc tế hoặc tương đương; (3) Chứng từ thanh toán theo quy định của pháp luật.

b) Hỗ trợ chi phí tư vấn lập hồ sơ đánh giá sản phẩm OCOP, hồ sơ gồm: (1) Văn bản đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ (theo mẫu số 04); (2) Hợp đồng và biên bản nghiệm thu, thanh lý (theo mẫu số 11 và mẫu số 12); (3) Bản sao giấy chứng nhận sản phẩm OCOP có chứng thực.

c) Hỗ trợ hợp tác xã thành lập mới, hồ sơ gồm: (1) Văn bản đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ (theo mẫu số 04); (2) Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; (3) Điều lệ và Phương án sản xuất kinh doanh của Hợp tác xã; (4) Chứng từ mua máy vi tính và trang thiết bị văn phòng theo quy định.



**6.2. Thủ tục cấp kinh phí hỗ trợ:** Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, UBND cấp huyện kiểm tra hồ sơ, phê duyệt và chi trả kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện hỗ trợ, UBND cấp huyện trả lời tổ chức, cá nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**7. Đối với chính sách hỗ trợ điểm giới thiệu, bán các sản phẩm chủ lực, đặc sản, sản phẩm OCOP**

**7.1. Đối với điểm giới thiệu, bán các sản phẩm trong tỉnh**

Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị nghiệm thu và cấp kinh phí hỗ trợ đến Sở Công Thương tại bộ phận Một cửa/Trung tâm Dịch vụ hành chính công tỉnh (*nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính*). Thành phần hồ sơ gồm: (1) Văn bản đề nghị nghiệm thu và cấp kinh phí hỗ trợ (*theo mẫu số 04*); (2) Hồ sơ, tài liệu, chứng từ liên quan đến nội dung nghiệm thu.

Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND cấp huyện tổ chức nghiệm thu khối lượng thực hiện theo tiêu chí quy định của Bộ Công Thương và điều kiện tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh. Biên bản nghiệm thu là căn cứ để Sở Công Thương thực hiện các thủ tục cấp kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân. Thời hạn giải quyết tối đa trong 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức, cá nhân.

**7.2. Đối với điểm giới thiệu, bán các sản phẩm tại thành phố Hà Nội**

**a) Phê duyệt kế hoạch/chủ trương thực hiện**

Tổ chức, cá nhân gửi Văn bản đề nghị hỗ trợ (*theo mẫu số 13*) đến Sở Công Thương tại bộ phận Một cửa/Trung tâm Dịch vụ hành chính công tỉnh (*nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính*). Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan khác tổ chức kiểm tra thực tế nơi tổ chức, cá nhân lựa chọn điểm giới thiệu, bán sản phẩm OCOP của Tuyên Quang tại thành phố Hà Nội, nếu đáp ứng các tiêu chí điểm giới thiệu, bán sản phẩm theo quy định của Bộ Công Thương và điều kiện tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND, Sở Công Thương trình UBND tỉnh cho chủ trương thực hiện. Trường hợp không đủ điều kiện, Sở Công Thương có văn bản gửi tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do. Chủ trương của UBND tỉnh là cơ sở để Sở Công Thương gửi Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ cùng với kỳ giao dự toán ngân sách hàng năm. Căn cứ quyết định của UBND tỉnh, Sở Tài chính giao dự toán kinh phí cho Sở Công Thương để cấp kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân theo quy định.

**b) Nghiệm thu và cấp kinh phí hỗ trợ**

Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị nghiệm thu và cấp kinh phí hỗ trợ đến Sở Công Thương tại bộ phận Một cửa/Trung tâm Dịch vụ hành chính

công tình (*nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính*). Thành phần hồ sơ gồm: (1) Văn bản đề nghị nghiệm thu và cấp kinh phí hỗ trợ (*theo mẫu số 04*); (2) Hồ sơ, tài liệu, chứng từ liên quan đến nội dung nghiệm thu.

Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức nghiệm thu khối lượng thực hiện theo chủ trương/kế hoạch được phê duyệt của UBND tỉnh. Biên bản nghiệm thu là căn cứ để Sở Công Thương thực hiện các thủ tục cấp kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân. Thời hạn giải quyết tối đa trong 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức, cá nhân.

#### **8. Đối với chính sách hỗ trợ gian hàng quảng bá, giới thiệu sản phẩm**

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đến Sở Công Thương tại bộ phận Một cửa/Trung tâm Dịch vụ hành chính công tình (*nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính*), thành phần hồ sơ gồm: (1) Văn bản đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ (*theo mẫu số 04*); (2) Chứng từ thanh toán theo quy định của pháp luật.

b) Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, Sở Công Thương kiểm tra hồ sơ và thực hiện các thủ tục cấp kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện hỗ trợ, Sở Công Thương trả lời tổ chức, cá nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do.

#### **9. Đối với chính sách hỗ trợ chủ thể sản phẩm OCOP**

a) Căn cứ kết quả đánh giá, phân hạng của Hội đồng OCOP cấp tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND tỉnh quyết định công nhận sản phẩm đạt hạng 3 sao, 4 sao và phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho các chủ thể theo quy định tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND.

b) Đối với sản phẩm đạt hạng 5 sao, tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và PTNT tại bộ phận Một cửa/Trung tâm Dịch vụ hành chính công tình (*nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính*), gồm: (1) Văn bản đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ (*theo mẫu số 04*); (2) Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận sản phẩm OCOP đạt hạng 5 sao. Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và PTNT trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân.

### **IV. THANH, QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ**

Đối tượng, đơn vị, cấp nào tiếp nhận kinh phí thực hiện chính sách thì đối tượng, đơn vị, cấp đó có trách nhiệm thanh, quyết toán vốn theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Kinh phí tiếp nhận từ nguồn vốn nào thì thực hiện thanh, quyết toán theo quy định của nguồn vốn đó.

### **V. QUY ĐỊNH CHUYỂN TIẾP**

**1. Đối với các trường hợp đang thực hiện theo hướng dẫn liên ngành số 14/HDLĐ-STC-NN&PTNT-KH&ĐT-NHNN ngày 22/6/2020**

a) Trường hợp ngân hàng đã lập hồ sơ đề nghị tạm ứng kinh phí hỗ trợ lãi suất và UBND cấp huyện chưa cấp tạm ứng kinh phí hỗ trợ lãi suất thì việc tạm ứng kinh phí hỗ trợ lãi suất được thực hiện theo hướng dẫn liên ngành số

14/HDLS-STC-NN&PTNT-KH&ĐT-NHNN ngày 22/6/2020, việc thực hiện hỗ trợ lãi suất cho khách hàng, quyết toán kinh phí hỗ trợ lãi suất giữa UBND cấp huyện và ngân hàng thực theo hướng dẫn liên ngành này.

b) Trường hợp ngân hàng đã lập hồ sơ đề nghị quyết toán kinh phí hỗ trợ lãi suất và UBND cấp huyện chưa quyết toán cho ngân hàng thì việc quyết toán được thực hiện theo hướng dẫn liên ngành số 14/HDLS-STC-NN&PTNT-KH&ĐT-NHNN ngày 22 tháng 6 năm 2020.

c) Các trường hợp UBND cấp huyện đã cấp tạm ứng kinh phí hỗ trợ lãi suất và chưa thực hiện trình tự, thủ tục quyết toán kinh phí hỗ trợ lãi suất, việc thực hiện hỗ trợ lãi suất cho khách hàng, quyết toán kinh phí hỗ trợ lãi suất giữa UBND cấp huyện và ngân hàng thực theo hướng dẫn liên ngành này.

## **2. Đối với thời điểm đến hết ngày 31/12/2025 (Nghị quyết hết giai đoạn thực hiện quy định)**

a) Các tổ chức, cá nhân đang thực hiện hoặc đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện các nội dung chính sách quy định theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND thì tiếp tục được hưởng chính sách theo quy định.

b) Việc hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân được thực hiện theo quy định tại Hướng dẫn này.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị, lĩnh vực ngành tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân; đồng thời chủ động triển khai thực hiện các nội dung quy định tại hướng dẫn này và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan nhằm đảm bảo tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách. Thường xuyên kiểm tra, giám sát cơ sở và các đối tượng thụ hưởng chính sách để kịp thời phát hiện và xử lý những tồn tại, hạn chế ngay tại cơ sở. Định kỳ 6 tháng, hàng năm UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện chính sách về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các ngành kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc các huyện, thành phố thực hiện Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND và hướng dẫn này. Ban hành các hướng dẫn quy trình kỹ thuật sản xuất theo thẩm quyền. Định kỳ 6 tháng, hàng năm thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình, kết quả thực hiện chính sách trên địa bàn tỉnh.

3. Hướng dẫn này thay thế Hướng dẫn liên ngành số 14/HDLS-STC-NN&PTNT-KH&ĐT-NHNN ngày 22/6/2020 của liên ngành: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Tuyên Quang về Trình tự, thủ tục thanh toán hỗ trợ lãi suất tiền vay theo các cơ chế, chính sách của tỉnh Tuyên Quang.

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh, vướng mắc, đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị liên quan kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Tuyên Quang để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**SỞ TÀI CHÍNH**

K.T. GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH  
PHÓ GIÁM ĐỐC



**Hoàng Thu Nga**

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT  
GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Văn Việt**

**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

K.T. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



**Triệu Quang Huy**

**SỞ CÔNG THƯƠNG**

K.T. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



**Lộc Kim Liên**

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CN  
TỈNH TUYÊN QUANG**

K.T. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



**Đỗ Mai Hồng**

**Nơi nhận:**

- Ủy ban nhân dân tỉnh (Báo cáo);
- Các Sở: NN&PTNT, Tài chính, KH&ĐT, Công Thương;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang;
- Các ngân hàng thương mại Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang: Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Đầu tư & Phát triển, Công thương, Ngoại thương, Bưu điện Liên Việt, Quân Đội, Sài Gòn - Hà Nội;
- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở NN&PTNT;
- Lưu: VT. PTNT(Dn).